

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VN30

Số/No. 1279 2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2020
Hanoi, 21 December 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUSSV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **18/12/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:



STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order I	Securities symbol Chứng khoán/Stock	Volume	Weight
1	BID	250	0.9%
2	CTG	1,160	3.2%
3	EIB	1,640	2.2%
4	FPT	980	4.4%
5	GAS	150	1.0%
6	HDB	1,750	3.2%
7	HPG	2,860	8.6%
8	KDH	560	1.2%
9	MBB	2,610	4.6%
10	MSN	640	4.3%
11	MWG	460	4.2%
12	NVL	530	2.8%
13	PLX	200	0.8%
14	PNJ	280	1.7%
15	POW	730	0.7%
16	REE	210	0.8%
17	ROS	890	0.2%
18	SAB	110	1.7%

2/12/20

19	SBT	370	0.6%
20	SSI	560	1.1%
21	STB	2,690	3.6%
22	TCB	3,830	8.7%
23	TCH	300	0.5%
24	VCB	640	4.9%
25	VHM	660	4.5%
26	VIC	950	7.9%
27	VJC	410	4.1%
28	VNM	1,020	9.0%
29	VPB	2,680	6.3%
30	VRE	730	1.7%
II	Tiền/Cash (VND)	10,910,470	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,244,301,000 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,255,211,470 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	10,910,470 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / <i>Options to Investors:</i>	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	25,050	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	46,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	EIB	17,050	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	22,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

5	FPT	56,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	113,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	75,800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	46,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	28,350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VPB	29,600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 18/12/2020	Kỳ trước/Last Period 17/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	4,900,000	4,900,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	12,890	12,560	330
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	61,505,362,057	62,217,634,465	-712,272,408
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,255,211,470	1,269,747,642	-14,536,172
của 1 CCQ/ per Share	12,552.11	12,697.47	-145.36
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,036.65	1,016.95	19.70

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC